

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Hương

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị chính

2. Bà Trần Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trúc Phương là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1005/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Quốc D, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 153 đường T, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Kim B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 64A đường N, TP Quy Nhơn, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Lê Quốc D trình bày: Anh và chị Trần Thị Kim B tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau từ năm 2004, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND phường L, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị B lừa dối lấy tiền của anh chơi huê hụi dẫn đến nợ nần. Anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị B không nghe. Tháng 9 năm 2016, chị B đưa con về nhà cha mẹ ruột tại 64A đường N, TP Quy ở nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn anh yêu cầu ly hôn chị B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2005. Hiện nay, sức khỏe bình thường đang sống với chị B. Ly hôn, anh yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Như Q, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có nợ chung.

* *Tại bản khai ngày 06 tháng 11 năm 2020 chị Trần Thị Kim B trình bày:* Chị thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như anh D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn thất bại, phát sinh nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Để có tiền trả nợ và nuôi con, vợ chồng thống nhất, chị vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Trong thời gian này, chị vẫn thường xuyên liên lạc với anh D và con bằng việc chị về đưa tiền cho anh D. Nay, tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị vẫn còn yêu thương anh D nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2005. Hiện nay, sức khỏe bình thường, đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Như Q, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung bà Lê Thị T 300.000.000 đồng; Bà Lê Thị Thanh L 300.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Kim T 280.000.000 đồng; Bà Đỗ Thị H 70.000.000 đồng. Tổng cộng 950.000.000 đồng. Các khoản nợ trên không có giấy tờ, chị sẽ cung cấp địa chỉ của các chủ nợ cho Tòa án vào chiều ngày 06/11/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn anh Lê Quốc D đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị Kim B không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Quốc D xin ly hôn chị Trần Thị Kim B.

Về con chung: Anh D và Chị B có 01 con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2005. Chị B được nuôi dưỡng con chung, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh D không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: anh D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa làm việc là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 14/01/2021 Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, anh Dũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Trần Thị Kim B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị B.

[2] Về nội dung: Anh D và chị B tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường L, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 19/5/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh D, chị B sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh D trình bày là do chị B lừa dối lấy tiền của anh chơi huê hụi dẫn đến nợ nần, anh đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị B vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt, chị B về nhà cha mẹ ruột tại 64A đường N, TP Quy Nhơn sống từ tháng 9/2026 đến nay. Anh không còn tình cảm với chị B, yêu cầu được ly hôn với chị B. Còn chị B cho rằng do vợ chồng làm ăn thất bại, phát sinh nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Để có tiền trả nợ và nuôi con, vợ chồng thống nhất, chị vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Trong thời gian này, chị vẫn thường xuyên liên lạc với anh D và con bằng việc chị về đưa tiền cho anh D. Nay, tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị vẫn còn yêu thương anh D nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D. Tuy nhiên, chị B đã được Tòa triệu tập đến để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị B không đến Tòa. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị B vẫn vắng mặt, điều đó thể hiện chị B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

- Về con chung: Anh D và Chị B có 01 con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2005. Hiện nay, con đang ở với chị B, để ổn định cuộc sống của cháu nên được HĐXX chấp nhận chị B được nuôi dưỡng con chung, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung bà Lê Thị T 300.000.000 đồng; Bà Lê Thị Thanh L 300.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Kim T 280.000.000 đồng; Bà Đỗ Thị H 70.000.000 đồng. Tổng cộng 950.000.000 đồng. Các khoản nợ trên không có giấy tờ, chị B hẹn cung cấp địa chỉ của các chủ nợ cho Tòa án vào chiều ngày 06/11/2020 nhưng quá trình làm việc chị B không đến Tòa và cũng không cung cấp địa chỉ của các chủ nợ nên Tòa không giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh D phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28,35,39,147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc D được ly hôn với chị Trần Thị Kim B
2. Về con chung: Chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2005. Anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Quốc D phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002988 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thị hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (Anh D đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp.Quy Nhơn;
- CQ THA DS Tp.Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Xuân Hương

